

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày: 10-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Trung Kiên
- Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trần Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh – Kiểm sát viên

Trong các ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 249/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Như P; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 02/02/2002 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: số nhà F, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); Chỗ ở: P, nhà số C P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là C P, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1965; Mẹ: Dương Thị N, sinh năm 1967; Chồng, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 cho tới nay.

2. Họ và tên: Trần Văn N1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 10/3/2000 tại Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Nay là Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang) Chỗ ở: C P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Trần Văn L, sinh năm: 1958; Mẹ: Trần Thị L1, sinh năm: 1953; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 cho tới nay.

3. Họ và tên: Nguyễn Hữu T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 10/12/1996 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà I, Tổ G, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp); Chỗ ở: P, nhà số C P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số C P, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Nguyễn Phi L2, sinh năm: 1969; Mẹ : Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 cho tới nay.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn S1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 01/01/1990 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) ; Chỗ ở: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1970; Mẹ Phan Thị M1, sinh năm: 1970; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 cho tới nay.

5. Họ và tên: Nguyễn Đông H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 08/4/1999 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: số nhà A, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); Chỗ ở: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12 ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn L3, sinh năm: 1976; Mẹ Võ Thị H1, sinh năm: 1980; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2024 cho tới nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn L3; Sinh năm 1976, HKTT: ấp C, Tân Công S2, T, Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), Nơi ở hiện tại: ấp C, xã H, Đ, Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 26/7/2024 tại trước số C T, Phường D, quận T, tổ tuần tra 363 Công an quận T kiểm tra hành chính Nguyễn Văn S1 điều khiển xe máy Honda Wave biển số 66N1-609.05 chở Nguyễn Đông H. S1 và H khai nhận sử dụng trái phép chất ma túy tại căn hộ 301 tại địa chỉ số C P, Phường B, quận T.

Qua truy xét, Công an P1, quận T phối hợp với Công an P2, quận T và Đội Cảnh sát ma túy Công an quận T kiểm tra hành chính tại Phòng 301 địa chỉ số C P, Phường B, quận T phát hiện Trần Văn N1, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Như

P, Nguyễn Đông H và Nguyễn Văn S1 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với Phạm Minh T2, Võ Thị Kim B. Thu giữ tại phòng bếp Phòng 301 có 01 đĩa sứ màu trắng; phòng số 2 (sát ban công, phòng ngủ của Trần Văn N1) gồm 01 loa điện tử và 01 đèn laser; Thu giữ tại vách tường bên tay phải của ban công Phòng 301 gồm 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vụn viên nén (mẫu m) của Trần Văn N1 cất giấu. Tại bản Kết luận giám định số 8950/KL-KTHS ngày 02/8/2024 của Phòng K2, Công an Thành phố H kết luận: mẫu m có khối lượng 0,2036 gam là ma túy thể rắn, loại MDMA (Bút lục 733).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn N1, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Đông H và Nguyễn Văn S1 khai nhận: Vào tháng 3/2024, Nguyễn Thị Như P thuê Phòng 301 nhà số C P, Phường B, quận T. Khoảng tháng 6/2024, Trần Văn N1 đến ở chung và cư ngụ tại Phòng số 2 (sát ban công Phòng 301), còn Như P cư ngụ tại Phòng số 1. Đến ngày 22/7/2024, Võ Thị Kim B đến ở cùng Như P tại phòng số 1, Nguyễn Hữu T đến ở cùng N1 tại phòng số 2.

Khoảng 14 giờ ngày 25/7/2024 tại Phòng số 2, T và N1 bàn bạc mua hộp 10 ma túy Ketamine cùng nhau sử dụng. N1 mua hộp 10 ma túy Ketamine với giá 6.700.000 đồng của người đàn ông (chưa rõ lai lịch) qua điện thoại 0383449435, T chuyển khoản từ tài khoản số 070096005626 ngân hàng S3 tên Nguyễn Hữu T đến tài khoản số 00002376614 Ngân hàng T4 tên Đỗ Duy K. Khoảng 15 giờ ngày 25/7/2024, T điện thoại rủ Nguyễn Đông H mua thuốc lắc đến Phòng 301 nhà số C P, Phường B, quận T để sử dụng ma túy, H nhờ Nguyễn Văn S1 mua giùm. Thông qua mối quan hệ xã hội, S1 liên lạc mua 02 viên nén màu đen là ma túy MDMA (thuốc lắc) với giá 500.000 đồng của đối tượng (không rõ lai lịch), thanh toán tiền mặt tại hẻm nhỏ tại Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Khoảng 20 giờ ngày 25/7/2024, H điều khiển xe máy biển số 66N1-609.05 chở S1 đến địa chỉ trên và được T mở cửa dẫn vào Phòng 301.

Đến khoảng 23 giờ 03 phút ngày 25/7/2024 tại trước nhà số C P, N1 nhận 01 gói ma túy Ketamine từ người nam (chưa rõ lai lịch) rồi mang ma túy vào Phòng 301. Lúc này, T lấy đĩa sứ màu trắng ở Phòng bếp để hơi nóng nhằm mục đích xào Ketamine, còn N1 lấy 01 gói ma túy Ketamine đổ một nửa ma túy lên đĩa và cắm thẻ ATM trộn ma túy Ketamine. Tại Phòng số 2 có mặt gồm T, N1, H và S1, H lấy 02 viên nén màu đen là ma túy loại MDMA (thuốc lắc) bẻ ra thành nhiều mảnh nhỏ để cả nhóm sử dụng đưa vào miệng nuốt vào cơ thể. Sau đó, cả nhóm dùng thẻ ATM chia ma túy Ketamine thành những đường kẻ thẳng hàng rồi dùng ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng để hút bằng mũi (không nhớ rõ ai sử dụng trước và tờ tiền polime 100.000 đồng là của ai). Đến khoảng 00 giờ ngày 26/7/2024, B đang ngủ trong Phòng số 1 thì nghe bên Phòng số 2 của N1 rủ vào chơi ma túy Ketamine nên B một mình vào phòng ngủ của N1. Khi vào phòng, B nhìn thấy T, N1, H, S1 đang ở trong phòng cùng nhau sử dụng ma túy Ketamine. Sau đó, H dùng một tấm thẻ chia ma túy Ketamine chứa trên đĩa sứ màu trắng rồi đưa cho B, B lấy một ống hút được quấn bằng tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng có sẵn trên đĩa để hút. Sau đó, N1 rủ P (chưa rõ lai lịch) đến nhà số C P, Phường B, quận T sử dụng ma túy. Khoảng 02 giờ ngày 26/7/2024, bạn của P là nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) đến phòng ngủ của N1 để sử dụng ma

túy. Lúc này, Ý đi qua Phòng ngủ của N1 rồi cầm ống hút kẻ thành nhiều đường và hít khoảng 5 - 6 đường Ketamine rồi P về phòng. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 26/7/2024, Phạm Minh T2 (bạn của N1) đến chơi, T2 nhìn thấy nhiều mảnh viên viên nén để trên bàn nhỏ sát đầu giường ngủ của N1, T2 lấy một mảnh viên nén đưa vào miệng nuốt. Sau đó N1, T lấy một ống hút để kẻ ma túy là Ketamine trên đĩa sứ màu trắng thành 3- 4 đường ma túy. Lúc này, H là người sử dụng ma túy trước, sau đó theo thứ tự là T2, N1, T, còn Kim B qua phòng P nằm ngủ, S1 nằm ngủ dưới sàn phòng ngủ của N1. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, T2 đi qua phòng của Như P nằm ngủ. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 26/7/2024, P và bạn của P ra về; còn T ngủ tại Phòng số 2. Đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, T thức dậy lấy đĩa trắng chứa ma túy sử dụng ma túy ra Phòng bếp rửa, T mang thẻ ATM màu đen đã xào Ketamine, ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng bỏ vào thùng rác tại trước nhà số C P, Phường B, quận T. Đối với 01 gói nylon có chứa 0,2036 gam là ma túy loại MDMA thu giữ tại vách tường bên tay phải của ban công Phòng 301 nhà số C P, phường B, quận T (ma túy còn lại) do Trần Văn N1 cất giấu không cho ai biết. Trần Văn N1, Nguyễn Đông H và Nguyễn Văn S1 thừa nhận là gói ma túy do Nguyễn Đông H và Nguyễn Văn S1 mua mang đến sử dụng còn lại.

Nguồn gốc ma túy Ketamine là do T cung cấp số điện thoại cho N1 liên lạc mua (T là người chuyển khoản trả tiền, Nghĩa là người nhận ma túy). Nguồn gốc ma túy MDMA là do H và S1 mua. Những người sử dụng ma túy Ketamine và MDMA là N1, T, H, S1, P (chưa rõ lai lịch), bạn của P (chưa rõ lai lịch), T2; còn B và P sử dụng ma túy Ketamine. N1, T, H, S1 không yêu cầu hùn tiền mua ma túy nhưng T dự định chia đều tiền mua ma túy Ketamine khi tham gia sử dụng ma túy mỗi người 1.340.000 đồng ngoại trừ B, P, H, và S1.

Kết quả xét nghiệm, Trần Văn N1, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H và Phạm Minh T2 dương tính với ma túy: KET (Ketamine), MDMA (thuốc lắc), MET (ma túy đá); Võ Thị Kim B dương tính với ma túy KET (Ketamine).

Đối với Võ Thị Kim B, Phạm Minh T2 khai sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng 301 nhưng không cung cấp ma túy, không chuyển ma túy cho người khác sử dụng và không góp tiền mua ma túy. Công an P1, quận T ra quyết định xử lý hành chính đối với Võ Thị Kim B, Phạm Minh T2 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng bán ma túy cho N1 chưa rõ lai lịch và sử dụng tài khoản số 00002376614 Ngân hàng T4, kết quả xác minh chủ tài khoản tên Đỗ Duy K, sinh năm 2005, HKTT: 690/4 P, Phường A, quận G. Xác minh Đỗ Duy K có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện tại Khang cư trú tại C tổ B Khu phố Đ, phường T, D, Bình Dương. Xác minh tại công an Phường T, D, Bình Dương kết quả tại địa chỉ 338 tổ B Khu phố Đ không có công dân tên Đỗ Duy K sinh năm 2005 đăng ký lưu trú, nên chưa làm việc được với K.

Đối với số điện thoại 0383449435 N1 liên lạc mua ma túy, xác minh chủ thuê bao tên Quảng Thị T3 sinh năm 1990, HKTT và nơi ở hiện nay: Bản A, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Bà Quảng Thị T3 trình bày có đăng ký sử dụng số điện

thoại trên, đến năm 2009 bà T3 không sử dụng số điện thoại này, T3 bán cho một người không rõ lai lịch, T3 chuyển sang sử dụng số điện thoại 0339715321, hiện tại bà T3 không biết ai đang sử dụng số điện thoại 0383449435.

Đối với số điện thoại 0911803304 giao đơn hàng ma túy cho N1. Qua xác minh được biết chủ thuê bao là công ty CP Đ, địa chỉ A M, phường T, Thành phố T. Vào tháng 09/2020 công ty Đ cấp số điện thoại 0911803304 cho bà Huỳnh Thị Thanh H2 (sinh năm 1996, HKTT: 21, KP5, A, TP B, tỉnh Bến Tre, Nơi ở hiện nay: C, KP1, H, phường T, quận G) để làm việc làm hồ sơ pháp lý về môi trường cho công ty. Làm việc bà H2 trình bày: số điện thoại trên H2 sử dụng làm việc cho công ty Đ vào giờ hành chính, hết giờ hàng chính H2 đưa lại số điện thoại này cho bạn trai tên là Trần Thanh H3 (sinh năm 1997, HKTT: Ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, Nơi ở hiện nay: C, KP1, H, phường T, quận G) chạy ứng dụng BE, do số điện thoại này có 3G và cuộc gọi miễn phí nên bạn H3 mượn để chạy xe công nghệ. Làm việc Trần Thanh H3 trình bày: Vào ngày 25/7/2024, H3 có giao đơn hàng vào địa chỉ C P, phường B, quận T kết thúc đơn hàng lúc 23 giờ 34 phút cùng ngày. Đơn hàng có thông tin mã chuyển là 853191712 từ địa chỉ A N, phường T, quận G, đến địa chỉ 30, phố Q, phường B, quận T, trên áp Bee báo là chở người, do thời gian giao hàng đã lâu nên H3 không rõ là chở hàng hay chở người nên không biết đơn hàng có hàng hóa như thế nào. Cơ quan CSĐT Công an quận T đã có công văn gửi công ty B1 để xác minh người gửi đơn hàng 853191712 nhưng không có kết quả.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 gói niêm phong ghi số vụ 9850 (2730/24) bên ngoài có các dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trần Văn N1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Văn S1 và hình dấu Công an phường P1, quận T, chữ ký giám định viên Trần Đình H4, bên trong có 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vụn viên nén là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,2036gam loại MDMA là tang vật còn lại sau giám định.

- 01 đĩa sứ màu trắng, 01 loa điện tử, 01 đèn Laser.

- 01 điện thoại di động Iphone 15 ProMax thu giữ của Trần Văn N1.

- 01 xe mô tô biển số 66N1-60905, số máy JA211E0407120, số khung: MLHJA211H5407120, Nguyễn Đông H khai mượn xe máy của ba ruột là ông Nguyễn Văn L3. Xác minh người đăng ký xe là ông Nguyễn Văn L3 (sinh năm 1976, HKTT: ấp C, T, T, Đồng Tháp, Nơi ở hiện tại: ấp C, xã H, Đ, Long An), ông L3 trình bày là chủ xe máy trên, ngày 26/7/2024, con ruột là Nguyễn Đông H mượn xe đi chơi, ông L3 không biết việc H sử dụng xe này đi mua ma túy sử dụng. Kết quả tra cứu vật chứng xe máy nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax thu giữ của Nguyễn Thị Như P.

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax thu giữ của Nguyễn Đông H.

- 01 điện thoại di động Realme C21-Y thu giữ của Nguyễn Văn S1.

- 01 điện thoại di động Iphone 8 plus, 01 điện thoại di động Iphone 14 ProMax thu giữ của Nguyễn Hữu T.

Đã được nhập kho vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số 2548/LNK

ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an quận T.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 đã có Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 117/CT-VKSTB ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình (Nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Trần Văn N1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Văn S1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Hữu T, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với các bị cáo Trần Văn N1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 58 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt các bị cáo:

Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

Từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội đối với các bị cáo Trần Văn N1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H : Từ 10 năm đến 11 năm tù

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Hữu T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38,, Điều 58 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt các bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai, biên bản đối chất, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Đây là vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do các bị cáo Nguyễn Thị Như P, Trần Văn N1, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H thực hiện. Bị cáo Nguyễn Thị Như P có hành vi cung cấp địa điểm phòng 301 nhà số C P, phường B, quận T (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Trần Văn N1 và Nguyễn Hữu T có hành vi cung cấp ma túy Ketamine, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Đông H có hành vi cung cấp ma túy MDMA cho Trần Văn N1, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Hữu T, Phạm Minh T2, Võ Thị Kim B cùng nhau sử dụng ma túy. Đồng thời, Trần Văn N1, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Đông H có hành vi cất giấu 0,2036 gam ma túy loại MDMA với mục đích sử dụng thì bị phát hiện thu giữ cùng vật chứng vào ngày 26/7/2024 tại phòng 301 nhà số C P, phường B, quận T (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Hành vi của các bị cáo Trần Văn N1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Văn S1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Như P, Nguyễn Hữu T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo

[3.1] Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T: Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê và trả tiền mua ma túy K1 nên là người giữ vai trò tích cực nhất trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho các bị cáo khác. Vì vậy bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án này đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Như P: Sau khi bị cáo Nguyễn Thị Như P thuê căn phòng 301 tại nhà số C P thì bị cáo P là người trả tiền thuê hàng tháng, toàn quyền quản lý và sử dụng trực tiếp căn phòng này. Căn phòng 301 được chia thành 02 phòng ngủ là phòng số 1 và phòng số 2. Bị cáo Nghĩa là người được bị cáo P cho ở nhờ tại phòng số 2. Bị cáo N1 chỉ thỉnh thoảng tới phòng này để gửi đồ cá nhân và dọn dẹp phòng dùm cho P nên mọi hoạt động của N1 tại căn nhà này phải được sự đồng ý của bị cáo P. Bị cáo P biết việc các bị cáo khác tổ chức sử dụng trái phép ma túy tại căn phòng 301 nhưng không có hành vi ngăn cản, mà còn đồng ý và sử dụng chung ma túy với các bị cáo khác nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm đồng phạm về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò là người cung cấp địa điểm.

Đối với bị cáo Trần Văn N1: N1 được T rủ chơi ma túy và là người chủ động liên lạc để mua ma túy K1 và cung cấp cho các bị cáo khác cùng sử dụng nên chịu trách nhiệm đồng phạm về hành vi cung cấp ma túy.

Đối với Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H: Khi được T kêu mua ma túy MDMA thì các bị cáo tự đi mua và trả tiền; Sau đó cung cấp cho các bị cáo khác cùng sử dụng để cho các bị cáo khác sử dụng

Do vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố hành vi phạm tội đối với các bị cáo đối về tội : “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Từ 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy

Sau khi cả nhóm sử dụng ma túy xong, lượng ma túy dư còn lại được phát hiện là MDMA có khối lượng 0,2036g được Trần Văn N1 mang đi cất giấu. Xét nguồn gốc số ma túy trên của Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H đi mua, còn Trần Văn N1 mang đi cất giấu nên các bị cáo S1, H, N1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cất giữ trái phép chất ma túy này.

Đối với vai trò của Nguyễn Hữu T đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, làm rõ. Kết quả điều tra bổ sung thể hiện Nguyễn Hữu T khai, ngày 25/7/2024, T gọi điện rủ Nguyễn Đông H, đến P, nhà Số C P “để chơi” (tức sử dụng ma túy) và đề nghị H đặt mua thuốc lắc để cùng sử dụng. H đồng ý và nói sẽ rủ thêm Nguyễn Văn S1. Sau đó H và S1 tự đặt mua ma túy rồi đến phòng của T nhưng không báo trước sẽ mua bao nhiêu và mua của ai. Khi H và S1 đến nơi, T xuống mở cửa và dắt lên phòng. Cả ba cùng sử dụng số thuốc lắc

do H đem đến; T sau đó nôn ói và đi ngủ, không sử dụng dụng cụ thêm. H và S1 cũng không yêu cầu T góp tiền mua ma túy. T không biết việc Trần Văn N1 cất giấu 0,2036 gam MDMA tại ban công phòng 301. T cũng không biết N1 mua ma túy của ai, cất giấu nhằm mục đích gì, phù hợp lời khai của N1 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập khác thể hiện trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở để truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về hành vi trên.

Do vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố hành vi phạm tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn S1, Nguyễn Đông H, Trần Văn N1 về tội : “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, hoạt động tư pháp trong việc phát hiện, xử lý, điều tra tội phạm về ma túy.

Xét, đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần làm giảm tội phạm ma túy đang có chiều hướng gia tăng như hiện nay.

[5] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt bổ sung

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo

[6] Vấn đề khác: Đối với Võ Thị Kim B, Phạm Minh T2 khai sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng 301 nhưng không cung cấp ma túy, không chuyển ma túy cho người khác sử dụng và không góp tiền mua ma túy. Công an P1, quận T (Nay là Phường T) đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Võ Thị Kim B, Phạm Minh T2 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với đối tượng bán ma túy cho N1 chưa rõ lai lịch và sử dụng tài khoản số 00002376614 Ngân hàng T4, kết quả xác minh chủ tài khoản tên Đỗ Duy K, sinh năm 2005, HKTT: 690/4 P, Phường A, quận G. Xác minh Đỗ Duy K có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện tại Khang cư trú tại C tổ B Khu phố Đ, phường T, D, Bình Dương. Xác minh tại công an Phường T, D, Bình Dương kết quả tại địa chỉ 338 tổ B Khu phố Đ không có công dân tên Đỗ Duy K sinh năm 2005 đăng ký lưu trú, nên chưa làm việc được với K.

- Đối với số điện thoại 0383449435 N1 liên lạc mua ma túy, xác minh chủ thuê bao tên Quàng Thị T3 sinh năm 1990, HKTT và nơi ở hiện nay: Bản A, xã

C, huyện M, tỉnh Sơn La. Bà Quảng Thị T3 trình bày có đăng ký sử dụng số điện thoại trên, đến năm 2009 bà T3 không sử dụng số điện thoại này, T3 bán cho một người không rõ lai lịch, T3 chuyển sang sử dụng số điện thoại 0339715321, hiện tại bà T3 không biết ai đang sử dụng số điện thoại 0383449435.

- Đối với số điện thoại 0911803304 giao đơn hàng ma túy cho N1. Qua xác minh được biết chủ thuê bao là công ty CP Đ, địa chỉ A M, phường T, Thành phố T. Vào tháng 09/2020 công ty Đ cấp số điện thoại 0911803304 cho bà Huỳnh Thị Thanh H2 (sinh năm 1996, HKTT: 21, KP5, A, TP B, tỉnh Bến Tre, Nơi ở hiện nay: C, KP1, H, phường T, quận G) để làm việc làm hồ sơ pháp lý về môi trường cho công ty. Làm việc bà H2 trình bày: số điện thoại trên H2 sử dụng làm việc cho công ty Đ vào giờ hành chính, hết giờ hàng chính H2 đưa lại số điện thoại này cho bạn trai tên là Trần Thanh H3 (sinh năm 1997, HKTT: Ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, Nơi ở hiện nay: C, KP1, H, phường T, quận G) chạy ứng dụng BE, do số điện thoại này có 3G và cuộc gọi miễn phí nên bạn H3 mượn để chạy xe công nghệ. Làm việc Trần Thanh H3 trình bày: Vào ngày 25/7/2024, H3 có giao đơn hàng vào địa chỉ C P, phường B, quận T kết thúc đơn hàng lúc 23 giờ 34 phút cùng ngày. Đơn hàng có thông tin mã chuyển là 853191712 từ địa chỉ A N, phường T, quận G, đến địa chỉ 30, phố Q, phường B, quận T, trên áp Bee báo là chở người, do thời gian giao hàng đã lâu nên H3 không rõ là chở hàng hay chở người nên không biết đơn hàng có hàng hóa như thế nào. Cơ quan CSĐT Công an quận T (Nay là Công an Thành phố H) đã có công văn gửi công ty B1 để xác minh người gửi đơn hàng 853191712 nhưng không có kết quả.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

* Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong ghi số vụ 9850 (2730/24) bên ngoài có các dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trần Văn N1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Văn S1 và hình dấu Công an phường P1, quận T, chữ ký giám định viên Trần Đình H4, bên trong có 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vụn viên nén là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,2036gam loại MDMA là tang vật còn lại sau giám định.

- 01 đĩa sứ màu trắng, 01 loa điện tử, 01 đèn Laser.

* Tịch thu, sung, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại Iphone 15 Promax số imei 355319541872011 của Trần Văn N1 dùng để liên lạc mua ma túy

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax thu giữ của Nguyễn Đông H.

- 01 điện thoại di động Realme C21-Y thu giữ của Nguyễn Văn S1

- 01 điện thoại di động Iphone 8 plus của Nguyễn Hữu T

* Trả lại:

- 01 xe mô tô biển số 66N1-60905, số máy JA211E0407120, số khung: MLHJA211H5407120, Nguyễn Đông H khai mượn xe máy của ba ruột là ông

Nguyễn Văn L3. Xác minh người đăng ký xe là ông Nguyễn Văn L3 (sinh năm 1976, HKTT: ấp C, T, T, Đồng Tháp, Nơi ở hiện tại: ấp C, xã H, Đ, Long An), ông L3 trình bày là chủ xe máy trên, ngày 26/7/2024, con ruột là Nguyễn Đông H mượn xe đi chơi, ông L3 không biết việc H sử dụng xe này đi mua ma túy sử dụng.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 ProMax thu giữ của Nguyễn Hữu T không liên quan đến hành vi phạm tội

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax thu giữ của Nguyễn Thị Như P không liên quan đến hành vi phạm tội

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Trần Văn N1 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Trần Văn N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Trần Văn N1 chấp hành hình phạt tổng cộng là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Văn S1 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Văn S1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn Văn S1 chấp hành hình phạt tổng cộng là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2024

3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Đông H 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Đông H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn Đông H chấp hành hình phạt tổng cộng là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2024.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Hữu T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2024.

5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Thị Như P 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2024.

6. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

7. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

* Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong ghi số vụ 9850 (2730/24) bên ngoài có các dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trần Văn N1, Nguyễn Đông H, Nguyễn Văn S1 và hình dấu Công an phường P1, quận T, chữ ký giám định viên Trần Đình H4, bên trong có 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vụn viên nén là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,2036gam loại MDMA là tang vật còn lại sau giám định.

- 01 đĩa sứ màu trắng, 01 loa điện tử, 01 đèn Laser.

* Tịch thu, sung, nộp ngân sách nhà nước:

01 điện thoại di động Iphone 13 Promax số imei 352990486723188 ; 01 điện thoại di động Realme C21-Y; 01 điện thoại di động Iphone 8 plus số imei 354837091349685; 01 điện thoại Iphone 15 Promax số imei 355319541872011

* Trả lại:

- 01 xe mô tô biển số 66N1-60905, số máy JA211E0407120, số khung: MLHJA211H5407120 cho ông Nguyễn Văn L3;

- 01 điện thoại di động Iphone 14 ProMax số imei 359265386580316 của Nguyễn Hữu T

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax số imei 355281438402320 của Nguyễn Thị Như P

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số BB 155/BB/2025 ngày 12 tháng 9 năm 2025 Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H)

8. Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;

9. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM (1)
- VKSND Khu vực 4 – TP.HCM; (3)
- Công an TP. HCM; (2)
- THADS Khu vực 4 -TP.HCM; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Phòng PV 06 CATPHCM (1)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh